

Số: 2970 /BC-TCT-KHĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2017

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM
VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
Năm báo cáo: 2017**

**Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước:

a. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

Năm 2014, theo Nghị quyết số 38/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được giao 02 chỉ tiêu:

- Tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch: 100%.
- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 100%.

Năm 2015, thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố về chỉ tiêu Phân đấu đạt 100% hộ dân thành phố được sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 08/05/2015 về việc phân công nhiệm vụ thực hiện kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố nêu trên, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được giao thực hiện chỉ tiêu “Tỷ lệ hộ dân thành phố được cấp nước sạch đạt 100%”, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 về ban hành Kế hoạch và phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố năm 2016.

Để thực hiện nhiệm vụ theo phân công, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đã có nhiều nỗ lực vượt qua các khó khăn, thách thức, phấn đấu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm năm 2014, năm 2015 và năm 2016 với kết quả cao nhất.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016
A	B	C	2	3	3
1	Sản xuất nước	1.000m ³	570.151	586.279	626.530
2	Nước tiêu thụ	1.000m ³	379.276	407.818	449.138
3	Tỷ lệ hộ dân thành phố được cấp nước sạch	%	82,83	87,97	100
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.665.000	3.023.000	3.455.000

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	205.000	235.000	251.000
6	Tổng nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	122.000	229.000	268.000

(*) Các chỉ tiêu 4, 5, 6 (sau kiểm toán)

b. Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng trong 03 năm trước:

Chỉ tiêu	Thực hiện		
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Phát triển mạng cấp 1, 2			
- Kinh phí (triệu đồng)	130.640	133.880	239.002
- Khối lượng đường ống (m)	10.187	15.566	28.416
2. Phát triển mạng cấp 3			
- Kinh phí (triệu đồng)	584.579	1.407.099	1.286.448
- Khối lượng đường ống (m)	325.229	854.077	977.639
3. Sửa chữa mạng cấp 1, 2			
- Kinh phí (triệu đồng)	26.096	37.461	66.913
- Khối lượng đường ống (m)	2.946	2.470	3.341
4. Sửa chữa mạng cấp 3			
- Kinh phí (triệu đồng)	228.210	201.564	324.077
- Khối lượng đường ống (m)	64.323	53.794	94.723

c. Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...): (không có)

d. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

✚ Những thuận lợi:

- Được sự quan tâm, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố và các Sở, Ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị cung cấp nước sạch cho người dân thành phố.

- Tỷ lệ hộ dân thành phố được cấp nước sạch tăng dần qua từng năm, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội thành phố. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn cũng đã đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước sạch đến các xã ngoại thành, thực hiện nhiệm vụ chính trị về xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của thành phố.

- Tiếp nhận và tiêu thụ nguồn nước mới từ Nhà máy nước Thủ Đức 3 vào năm 2015 và việc Nhà máy nước Tân Hiệp 2 được xây dựng hoàn thành cuối năm 2016 chuẩn bị phát nước vào đầu năm 2017, góp phần nâng sản lượng nước sản xuất, ổn định áp lực và chất lượng nước, áp lực nước trên mạng được điều tiết đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ góp phần nâng cao đời sống của nhân dân thành phố.

- Ưu tiên giải quyết nước sạch cho các đối tượng khó khăn, cùng thành phố thực hiện chính sách an sinh xã hội thông qua việc vận động các chủ nhà trọ đăng ký

định mức nước sinh hoạt cho người nhập cư, người lao động, sinh viên thuê nhà ở và thực hiện cam kết tính giá nước cho người ở trọ theo quy định.

– Thực hiện chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm của Ủy ban nhân dân thành phố, Tổng Công ty đã đưa một số giếng lẻ nội thành, giếng ngầm vào vận hành bảo trì, làm nguồn dự trữ cho thành phố, áp lực nước tại khu vực vẫn được đảm bảo.

✦ Tồn tại:

– Việc thực hiện chỉ tiêu cung cấp nước sạch theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố hàng năm đòi hỏi Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn phải có nhiều nỗ lực, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn tập trung các nguồn vốn vào công tác phát triển mạng lưới cấp nước, gắn mới đồng hồ nước, các giải pháp cấp nước khác như gắn đồng hồ tổng để nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch trong khi nguồn vốn đầu tư cho các hạng mục ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng rất cần thiết.

– Giá nước mới theo lộ trình 2014-2018 đến nay vẫn chưa được duyệt đã ảnh hưởng tới kế hoạch vốn đầu tư của Tổng Công ty.

e. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

– Công suất cấp nước: đến năm 2020 đạt 2.500.000 m³/ngày.

– Tỷ lệ hộ dân thành phố được cấp nước sạch: đạt 100% vào năm 2020.

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (*)

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm 2017
A	B	C	2	3	3	
1	Sản xuất nước	1.000m ³	570.151	586.279	626.530	635.500
2	Nước tiêu thụ	1.000m ³	379.276	407.818	449.138	483.000
3	Tỷ lệ hộ dân thành phố được cấp nước sạch	%	82,83	87,97	100	100
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.167	4.319	4.332	4.417
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	372	343	339	323
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	643	670	666	678
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	1.531,693	2.580,949	3.175,357	3.201.000
a)	- Nguồn ngân sách	“	24,606	16,214	8,687	97.800
b)	- Vốn vay	“	4,383	1.166,557	1.489,317	1.674.800
c)	- Vốn khác	“	1.502,704	1.398,178	1.677,353	1.428.400
8	Tổng lao động	Người	4.683	3.777	4.104	4.104
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	612	607	653	666
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4	5	7	7
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	608	603	646	659

(*) Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con.

BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Ước thực hiện năm 2017		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ												
1.1	- Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn	145.000	100	126.237	145.000	100	143.855	145.000	100	145.000	145.000	100	145.000
1.2	- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công chánh	187.470	100	149.787									
1.3	- Công ty TNHH MTV Tư vấn Công trình Giao thông Công chánh	2.235	100	2.235									
1.4	- Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa	35.068	100	35.032									
1.5	- Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An	46.705	100	41.434									
2	Các công ty do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối												
2.1	- Công ty CP Cấp nước Bến Thành	93.600	53	49.747	93.600	53	49.747	93.600	53	49.747	93.600	53	49.747
2.2	- Công ty CP Cấp nước Chợ Lớn	130.000	51	66.304	130.000	51	66.304	130.000	51	66.304	130.000	51	66.304
2.3	- Công ty CP Cấp nước Gia Định	95.000	51	48.650	95.000	51	48.650	95.000	51	48.650	95.000	51	48.650
2.4	- Công ty CP Cấp nước Thủ Đức	85.000	51	43.350	85.000	51	43.350	85.000	51	43.350	85.000	51	43.350
2.5	- Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân	90.000	70	63.352	90.000	70	63.352	90.000	70	63.352	90.000	70	63.352
2.6	- Công ty CP Cấp nước Nhà Bè	109.000	53	58.253	109.000	53	58.253	109.000	53	58.253	109.000	53	58.253

TRẦN QUANG MINH



KT. TÔNG GIÁM ĐỐC
PHO TÔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Tài chính;
- P.KTTC, KHBT, VP.TCT (để công bố thông tin);
- Lưu.

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2014		Thực hiện năm 2015		Thực hiện năm 2016		Ước thực hiện năm 2017		
		Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư	
2.7	- Công ty CP Tư vấn xây dựng Cấp nước	51	1.600	25	3.200	26	816	26	3.200	816
2.8	- Công ty CP Kinh doanh nước sạch Sài Gòn	60	150.000	60	90.000	60	90.000	60	150.000	90.000
2.9	- Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	25	10.000	25	2.458	25	2.458	25	10.000	2.458
2.10	- Công ty CP DVTM Quảng tương Quốc Tế	30	300.000	30	90.000	30	300.000	30	300.000	90.000
2.11	- Công ty CP Cấp nước Tân Hòa			65	32.500	65	32.500	65	50.000	32.500
2.12	- Công ty CP Cấp nước Trung An			65	50.000	65	32.500	65	50.000	32.500
2.13	- Công ty CP Tư vấn Giao thông Công chính			20	2.500	20	500	20	2.500	500
2.14	- Công ty CP CT Giao thông Công chính			25	268.750	25	67.188	25	268.750	67.188
2.15	- Công ty CP Đầu tư nước Tân Hiệp	8	240.000	17	240.000	25	60.000	25	240.000	60.000
3	Đầu tư dài hạn khác									
3.1	- Công ty CP Cấp nước Kênh Đông	18	400.000	18	400.000	18	72.600	18	400.000	72.600